

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KT
TỈNH LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/DS-ST

Ngày: 30- 11 - 2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KT, TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truyen

2. Bà Trịnh Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã KT, tỉnh LA.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KT, tỉnh LA xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: 156, ấp Cái Sậy, xã Tuyên Thạnh, thị xã KT, tỉnh LA.

- Bị đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1975; (có mặt)

Ông Trần Văn B, sinh năm 1971; (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Bắc Chan 1, xã Tuyên Thạnh, thị xã KT, tỉnh LA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2020, biên bản hòa giải ngày 28/10/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc H trình bày: Trong năm 2019 bà D có hỏi vay tiền của bà rất nhiều lần và đến ngày 24/10/2019 có kết nợ, bà D có làm cam kết thừa nhận còn nợ bà tổng cộng số tiền là 81.000.000đ, bà đã yêu cầu bà D trả nợ nhiều lần nhưng bà D không trả. Đến ngày 10/7/2020 thì ban hòa giải ấp Bắc Chan 1 có tiến hành hòa giải bà yêu cầu bà D phải trả tổng cộng số tiền là 87.000.000đ và bà D cũng thừa nhận nợ nhưng đến nay vẫn không trả. Do đó, bà H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà D và ông B phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền tổng cộng là 87.000.000đ, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản hòa giải ngày 28/10/2020 và tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị D trình bày: Bà thừa nhận đến nay còn nợ bà H số tiền là 87.000.000đ như bà H đã trình bày, nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng là 3.000.000đ, trả đến khi tất toán nợ.

Tại bản tự khai ngày 22/10/2020 ông Trần Văn B trình bày: Do phải đi làm ăn, thường xuyên vắng nhà nên việc vay nợ giữa vợ ông với bà H từ trước đến nay như thế nào ông không biết cũng như không có chứng kiến việc vay tiền của bà H. Nay bà H yêu cầu phải liên đới trả nợ với bà D thì ông không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị D và ông Trần Văn B phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay nên xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Khoản 3, Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là bà D, ông B cư trú tại: ấp Bắc Chan 1, xã Tuyên Thạnh, thị xã KT, tỉnh LA; Do đó, Tòa án nH dân thị xã KT thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều 35 và Điểm a, Khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các chứng cứ của vụ án đã được giao nộp đầy đủ và được công khai đúng thủ tục. Qua hòa giải các đương sự đã không thỏa thuận được với nhau, vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Tại bản cam kết ngày 24/10/2019, Biên bản hòa giải của Ban ấp Bắc Chan 1 và Biên bản hòa giải tại Tòa án bà D điều thừa nhận đến nay còn nợ bà H số tiền là 87.000.000đ nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000đ đến khi tất toán nợ.

[2.3] Xét thấy, bà D thừa nhận nợ là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khi giao kết hợp đồng hui giữa bà H và bà D là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện của hai bên được quy định tại các Điều 117 và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[2.4] Đối với ông B, mặc dù ông không đồng ý liên đới cùng bà D trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, việc bà D vay tiền với mục đích kinh doanh, phát triển kinh tế cũng như đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình và nay vi phạm nghĩa vụ thanh toán, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H, đồng thời khoản nợ vay này là trong thời kỳ hôn nH giữa vợ chồng và ông B không chứng minh được khoản vay nay là nợ riêng của bà D. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H cần buộc bà H và ông B phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền là 87.000.000 đồng theo quy định tại các Điều 288, Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự.

[2.5] Về phương thức thanh toán: Bà H yêu cầu bà D và ông B thanh toán nợ một lần, bà D xin được trả dần nhưng bà H không đồng ý, pháp luật cũng không quy định nên Hội đồng xét xử không xem xét cho trả dần.

[2.6] Về án phí: Buộc bà D và ông B phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 280, 288, 463, 466 của Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc H đối với bà Trần Thị D và ông Trần Văn B về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Trần Thị D và ông Trần Văn B phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Ngọc H số tiền là 87.000.000đ (tám mươi bảy triệu đồng)

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Trần Thị D và ông Trần Văn B phải liên đới chịu 4.350.000đ (bốn triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ nhà nước; Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Ngọc H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.025.000đ (hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009400 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã KT.

4. Án xử công khai sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã KT;
- Chi cục THADS thị xã KT;
- TAND tỉnh LA;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Vũ Khanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)